

Soạn bài Tổng kết phần văn học - Ngữ văn lớp 10

Hướng dẫn trả lời câu hỏi ôn tập

Câu 1:

Văn học Việt Nam gồm hai bộ phận lớn: văn học dân gian và văn học viết. Hai bộ phận văn học này đều mang những đặc điểm truyền thống của văn học Việt Nam: tinh thần yêu nước chống xâm lược, tinh thần nhân văn, đề cao đạo lí, nhân nghĩa. Tuy nhiên, văn học dân gian và văn học viết lại có những đặc trưng riêng.

Câu 2.

a. Những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian:

- Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng (tính truyền miệng)
- Văn học dân gian là sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể (tính tập thể)

Các thể loại của văn học dân gian: thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, câu đố, ca dao, vè, truyện thơ, chèo.

+ Thần thoại: tác phẩm tự sự dân gian thường kể về các vị thần, nhằm giải thích tự nhiên, thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên và phản ánh quá trình sáng tạo văn hóa của con người thời cổ đại.

+ Sử thi: tác phẩm tự sự dân gian có quy mô lớn, sử dụng ngôn ngữ có vần, nhịp, xây dựng những hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng để kể về một hoặc nhiều biến cố lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng của cư dân thời cổ đại.

+ Truyền thuyết: tác phẩm tự sự dân gian kể về sự kiện và nhân vật lịch sử (hoặc có liên quan đến lịch sử) phần lớn theo xu hướng lí tưởng hóa, qua đó thể hiện sự ngưỡng mộ và tôn vinh của nhân dân đối với những người có công với đất nước, dân tộc hoặc cộng đồng cư dân của một vùng. Bên cạnh đó cũng có những truyền thuyết vừa đề cao, vừa phê phán nhân vật lịch sử.

+ Truyện cổ tích: tác phẩm tự sự dân gian mà cốt truyện và hình tượng được hư cấu có chủ định, kể về số phận con người bình thường trong xã hội, thể hiện tinh thần nhân đạo và lạc quan của nhân dân lao động.

+ Truyện ngụ ngôn: tác phẩm tự sự dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, thông qua các ẩn dụ (phần lớn là hình tượng loài vật) để kể về những sự việc liên quan đến con người, từ đó nêu lên triết lí nhân sinh hoặc những bài học kinh nghiệm về cuộc sống.

Soạn bài Tổng kết phần văn học - Ngữ văn lớp 10

+ Truyện cười: tác phẩm tự sự dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, kể về những sự việc xấu, trái tự nhiên trong cuộc sống, có tác dụng gây cười, nhằm mục đích giải trí, phê phán.

+ Tục ngữ: câu nói ngắn gọn, hàm súc, phần lớn có hình ảnh, vần, nhịp, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn, thường được dùng trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày của nhân dân.

+ Câu đố: bài văn vần hoặc câu nói thường có vần, mô tả vật đố bằng ẩn dụ hoặc những hình ảnh, hình tượng khác lạ để người nghe tìm lời giải, nhằm mục đích giải trí, rèn luyện tư duy và cung cấp những tri thức về đời sống.

+ Ca dao: tác phẩm thơ trữ tình dân gian, thường kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả thế giới nội tâm của con người.

+ Vè: tác phẩm tự sự dân gian bằng văn vần, có lời kể mộc mạc, phần lớn nói về các sự việc, sự kiện của làng, của nước mang tính thời sự.

+ Truyện thơ: tác phẩm tự sự dân gian bằng thơ, phản ánh số phận và khát vọng của con người về hạnh phúc lứa đôi và sự công bằng xã hội.

+ Chèo: tác phẩm kịch hát dân gian, kết hợp các yếu tố trữ tình và trào lộng để ca ngợi những tấm gương đạo đức và phê phán, đả kích cái xấu trong xã hội. (Ngoài chèo, sân khấu dân gian còn có những hình thức khác như tuồng dân gian, múa rối, các trò diễn mang tích truyện.)

b. Chọn phân tích một số tác phẩm hoặc đoạn trích tác phẩm để minh họa các đặc điểm, nội dung và nghệ thuật của sử thi, truyền thuyết, cổ tích, truyện thơ, truyện cười, ca dao, tục ngữ.

c. Kể lại một số truyện dân gian, đọc thuộc một số câu ca dao, tục ngữ mà anh (chị) thích.

- Học sinh xem lại các truyện đã học, rèn luyện khả năng kể.

- Cần có sổ tay ghi chép các bài ca dao trong SGK và sưu tầm thêm để dễ học thuộc lòng, tích lũy vốn.

Câu 3. (SGK, trang 147)

a. Những nội dung lớn của văn học Việt Nam trong quá trình phát triển?

Các nội dung lớn của văn học Việt Nam trong lịch sử phát triển là: chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo và cảm hứng thế sự.

Soạn bài Tổng kết phần văn học - Ngữ văn lớp 10

b. Văn học Việt Nam phát triển trong sự ảnh hưởng qua lại với các yếu tố truyền thống dân tộc, tiếp biến văn học nước ngoài như thế nào? Nêu một số hiện tượng văn học để chứng minh.

- Văn học viết Việt Nam được xây dựng trên nền tảng của văn học và văn hoá dân gian Việt Nam. Điều đó có thể thấy rõ qua các tác phẩm như: *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương... đều có nhiều yếu tố của tục ngữ, ca dao; *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ mang nhiều yếu tố của truyền thuyết, cổ tích thần kì...

- Văn học Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp văn học và văn hoá Trung Hoa. Phần lớn sáng tác thời phong kiến đều được viết bằng chữ Hán, theo các thể loại của văn học Hán, nhất là thơ Đường, tiểu thuyết chương hồi, các thể cáo, hịch, phú, ngâm khúc, kí sự.... nhiều tác phẩm có giá trị, các tác phẩm chữ Nôm cũng chịu ảnh hưởng về thể loại của văn học Trung Quốc như thơ Nôm Đường luật của Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan... kể cả *Truyện Kiều* của Nguyễn Du cũng chứa đựng nhiều yếu tố Hán, cũng như đã kế thừa thành tựu văn hoá văn học Hán.

- Chuyển tiếp sang thời kì hiện đại, văn học viết Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây, trực tiếp là văn học Pháp trong thời kì chuyển từ văn học cổ điển sang văn học hiện đại. Có thể thấy rõ nhất trong các sáng tác của các nhà thơ thuộc phong trào Thơ mới phá bỏ thể thơ Đường luật, đưa thơ tự do và các thể thơ phương Tây vào Việt Nam tạo ra các thể loại thơ mới, với cách cảm thụ mới. Các tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự... của Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Ngô Tất Tố... đều được viết theo phong cách của văn học phương Tây.

c. Sự khác nhau giữa văn học trung đại và văn học hiện đại về ngôn ngữ và hệ thống thể loại?

Bảng so sánh văn học hiện đại và trung đại:

Phương diện so sánh	Văn học trung đại TK X đến hết TK XIX	Văn học hiện đại Từ đầu TK XX
Ngôn ngữ	Chữ Hán là chữ viết chính thức; dùng nhiều từ Hán, chịu ảnh hưởng của lối diễn đạt Hán ngữ. Sử dụng nhiều điển cố, điển tích, theo lối ước lệ, tượng trưng, thường xuyên sử dụng lối văn biền ngẫu trong diễn đạt.	Viết bằng chữ quốc ngữ, lối diễn đạt trong sáng, giàu hình ảnh.
Hệ thống thể loại	Lấy các thể loại trong văn học Hán làm cơ bản: thơ Đường luật, tiểu	Xoá bỏ dần thơ Đường luật, thay bằng các thể thơ tự do; thơ thất ngôn

Soạn bài Tổng kết phần văn học - Ngữ văn lớp 10

	thuyết chương hồi, cáo, hịch... một số thể thơ đặc trưng của dân tộc như thơ lục bát, song thất lục bát, thất ngôn xen lục ngôn...	không chiếm ưu thế như trước; bỏ tiểu thuyết chương hồi, thay bằng tiểu thuyết hiện đại kiểu phương Tây; bỏ các thể cáo, hịch, chiếu, chỉ dụ, văn tế... chuyển thành các dạng văn xuôi hiện đại; các thể loại truyện ngắn, truyện vừa, kí, phóng sự, tuỳ bút ra đời và chiếm ưu thế...
--	--	--

Câu 4: Khái quát phần văn học viết Việt Nam trong chương trình Ngữ văn 10 (từ TK X đến hết TK XIX)

a. Văn học viết Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX gồm những thành phần nào? Phát triển qua mấy giai đoạn? Những đặc điểm lớn về nội dung và nghệ thuật của văn học trung đại Việt Nam?

- Các thành phần của văn học viết trung đại Việt Nam gồm văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm.

- Quá trình phát triển gồm 4 giai đoạn:

+ Từ TK X đến hết TK XIV.

+ Từ TK XV đến hết TK XVII.

+ Từ TK XVIII đến nửa đầu TK XIX.

+ Nửa cuối TK XIX.

- Những đặc điểm lớn về nội dung: chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo, cảm hứng thế sự.

- Những đặc điểm lớn về nghệ thuật: Tính quy phạm (và sự phá vỡ tính quy phạm); khuynh hướng trang nhã (và xu hướng bình dị); tiếp thu và dân tộc hoá tinh hoa văn học nước ngoài.

b. Thống kê những thể loại mà anh (chị) đã được học. Nêu đặc điểm chủ yếu của một số thể loại tiêu biểu như chiếu, cáo, phú, thơ Đường luật, thơ Nôm Đường luật, ngâm khúc, hát nói.

*** Các thể loại văn học trung đại đã học.**

Soạn bài Tổng kết phần văn học - Ngữ văn lớp 10

- Thơ Đường luật chữ Hán (VD: *Thuật hoài* - Phạm Ngũ Lão)...
- Thơ Nôm Đường luật (*Nhàn* - Nguyễn Bình Khiêm).
- Thơ Nôm Đường luật sáng tạo: thất ngôn xen lục ngôn (*Cảnh ngày hè* - Nguyễn Trãi).
- Phú (*Bạch Đằng giang phú* - Trương Hán Siêu).
- Cáo (*Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi)
- Tựa (tự) (*Trích diễm thi tập* - Hoàng Đức Lương).
- Sử kí (*Đại Việt sử kí toàn thư* - Ngô Sĩ Liên).
- Truyện truyền kì (*Chinh phụ ngâm* - Đặng Trần Côn; *Cung oán khúc* - Nguyễn Gia Thiều).
- Thơ Nôm lục bát.
- Thơ Nôm song thất lục bát (bản dịch *Chinh phụ ngâm*).

* **Đặc điểm chủ yếu của một số thể loại**

- Chiếu: Một loại văn bản do nhà vua ban lệnh cho quần thần hoặc toàn thiên hạ yêu cầu thực hiện một công việc nào đó có ý nghĩa chính trị - xã hội... (tương đương với công văn, chỉ thị hiện nay, dưới chiếu còn có chỉ, dụ...).
- Cáo: Một loại văn bản của nhà vua nhằm tuyên bố trước nhân dân một vấn đề nào đấy (tương đương với Tuyên ngôn hiện nay).
- Phú: Là loại văn viết theo luật riêng, thường có vần, nhịp và đối, dùng để miêu tả, ngâm, vịnh cảnh đẹp, nhân đó mà ca ngợi hay ngụ ý một vấn đề nào đấy có tính xã hội hoặc triết lí.
- Thơ Đường luật: Là loại thơ chữ Hán, có nguồn gốc (thịnh hành) từ thời nhà Đường. Thơ Đường có niêm luật khắt khe, trong nhiều trường hợp hạn chế sự sáng tạo, nhưng thực ra nó cũng có tác dụng thử thách và sàng lọc trình độ ngôn từ của các nhà thơ. Thơ Đường luật có nhiều loại: thất ngôn, ngũ ngôn, thơ thất tự... nhưng phổ biến nhất là thơ thất ngôn bát cú.
- Thơ Nôm Đường luật: Là loại thơ người Việt vận dụng thơ Đường, sáng tác bằng chữ Nôm.

Soạn bài Tổng kết phần văn học - Ngữ văn lớp 10

- Ngâm khúc: Loại thơ dài (gần giống trường ca ngày nay), có cốt truyện nhưng không thành truyện, nên không phải là truyện thơ, dùng để thể hiện một nỗi niềm tâm sự nào đó của tác giả, thông qua một hình tượng văn học. Ở Việt Nam, thể loại này thịnh hành vào khoảng thế kỉ XVIII - XIX. Ví dụ: *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm*...

- Hát nói: Một thể loại dùng trong sân khấu (như chèo), được diễn xuất bằng cách đọc (nói) có nhạc điệu, ngữ điệu nhưng không phải ngâm hay hát.

c. Bảng thông kê tác giả, tác phẩm chủ yếu (mẫu SGK trang 147):

TT	Tác giả	Tác phẩm (Đoạn trích)	Những điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật
1	Phạm Ngũ Lão	<i>Thuật hoài</i>	Thể hiện khát vọng lập công vì nước trả nợ nam nhi.
2	Nguyễn Trãi	<i>Cảnh ngày hè</i>	Miêu tả cảnh ngày hè để ca ngợi cuộc sống thái bình.
3	Nguyễn Trãi	<i>Bình Ngô đại cáo</i>	Thay mặt Lê Lợi viết bài cáo, tuyên bố đại thắng quân Minh - một áng "thiên cổ hùng văn".
4	Trương Hán Siêu	<i>Bạch Đằng giang phú</i>	Hoài niệm về lịch sử oanh liệt, qua đó thể hiện tình yêu đất nước, niềm tự hào dân tộc...
5	Nguyễn Bình Khiêm	<i>Nhàn</i>	Thể hiện thú nhàn, quan niệm sống của người ẩn sĩ.
6	Nguyễn Du	<i>Độc Tiểu Thanh kí</i>	Nỗi đau trước số phận kẻ tài hoa bị vùi dập.
7	Nguyễn Du	<i>Truyện Kiều (trích)</i>	Nỗi đau vì nhân phẩm bị chà đạp.
8	Hoàng Đức Lương	<i>Tựa "Trích diễm thi tập"</i>	Nêu cao tư tưởng độc lập dân tộc về văn hóa, văn học.
9	Ngô Sĩ Liên	<i>Hung Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn (trích Đại Việt sử kí toàn thư)</i>	Ca ngợi Trần Hưng Đạo văn võ toàn tài, trung quân ái quốc được muôn đời tôn vinh. Nghệ thuật sử kí đầy sáng tạo.
10	Nguyễn Dữ	<i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên (trích Truyền kì mạn lục)</i>	Dưới hình thức kì ảo ma quái, tác giả kể lại chuyện một thời quan lại tham nhũng, đục khoét nhân dân.
11	Đặng Trần Côn Đoàn Thị Điểm	<i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ (trích Chinh phụ ngâm)</i>	Nỗi khổ của người vợ lính có người chồng ngoài chiến địa - Nguyên tác thơ chữ Hán tinh tế, uyển chuyển. Bản dịch Nôm cũng được nhiều người khen ngợi.

Soạn bài Tổng kết phần văn học - Ngữ văn lớp 10

Câu 5: Đọc mục 5 (SGK trang 147,148) để thấy những biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo trong văn học trung đại và thực hiện các yêu cầu.

a. Phân tích nội dung của chủ nghĩa yêu nước thể hiện qua các tác phẩm:

- Thơ phú thời Lý - Trần.
- Sáng tác của Nguyễn Trãi.
- Các tác phẩm lịch sử.
- Các tác phẩm nghị luận.

Chủ nghĩa yêu nước thời Lý - Trần gắn liền với tư tưởng trung quân ái quốc. Biểu hiện chủ yếu trên các phương diện:

- Ý thức độc lập, tự chủ, tự cường, tự tôn dân tộc (Tìm một số câu trong *Sóng núi nước Nam* của Lý Thường Kiệt, *Phú sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương để chứng minh).
- Lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược. (Dùng các tác phẩm *Tỏ lòng* (Phạm Ngũ Lão), *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), *Hung Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn* (trích *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên)... để chứng minh).
- Tự hào trước chiến công thời đại, trước truyền thống lịch sử (Chứng minh qua *Phú sông Bạch Đằng*, *Bình Ngô đại cáo*...).
- Ca ngợi và ghi nhớ công ơn những người đã hi sinh vì Tổ quốc (Chứng minh qua *Phú sông Bạch Đằng*...).
- Yêu thiên nhiên, cảnh đẹp đất nước (Chứng minh qua *Cảnh ngày hè* của Nguyễn Trãi)

b. Phân tích nội dung chủ nghĩa nhân đạo qua các tác phẩm (SGK tr. 148).

Chủ nghĩa nhân đạo trong văn thơ trung đại thể hiện ở một số phương diện chính:

- Lòng thương cảm đối với số phận con người (Chứng minh qua *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm...).
- Lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo, chà đạp lên con người (Chứng minh qua *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn, *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* của Nguyễn Dữ...).

Soạn bài Tổng kết phần văn học - Ngữ văn lớp 10

- Khẳng định, đề cao con người trên các mặt: phẩm chất, tài năng, khát vọng chân chính... (Chứng minh qua *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm...).

- Đề cao quan hệ đạo đức, đạo lí tốt đẹp giữa người với người.. (Chứng minh qua *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm,...)

Câu 6: Phần văn học nước ngoài

a. So sánh để tìm ra sự giống và khác nhau giữa sử thi "Đăm Săn" (Việt Nam) với "Ô-đi-xê" (Hi Lạp) và "Ra-ma-ya-na" (Ấn Độ).

Tham khảo bảng sau:

Phương diện so sánh	Đăm Săn (Chiến thắng Mtao Mxây)	Ô-đi-xê (Uy-lít-xơ trở về)	Ra-ma-ya-na (Ra-ma buộc tội)
Đề tài	Chiến tranh mở rộng bộ lạc, bộ tộc.	Ngày hội ngộ sau hai mươi năm xa cách do chiến tranh và lưu lạc.	Danh dự và tình yêu.
Chủ đề	Ca ngợi người tù trưởng anh hùng.	Ca ngợi sự thông minh, lòng chung thủy của người vợ Pê-lê-nốp.	Đề cao danh dự con người.
Đặc điểm hình tượng	Người anh hùng có sức mạnh phi thường.	Nhân vật có mâu thuẫn nội tâm, nhưng nổi bật là lòng chung thủy và sự thông minh.	Nhân vật có vẻ đẹp rực rỡ vì lòng tự trọng.
Vai trò của yếu tố kì ảo	Có yếu tố thần linh (ông trời) phù trợ.	Có thần linh nhưng không xuất hiện trực tiếp.	Thần lửa phù trợ

b. Những đặc sắc của thơ Đường về nội dung và hình thức. So sánh thơ Đường với thơ Hai-cư

- Đặc sắc của thơ Đường:

+ Về nội dung: rất quan tâm đến hai đề tài chính là thiên nhiên và thế sự, qua đó bộc lộ tư tưởng nhân đạo, sự ưu thời mẫn thế, tư tưởng trung quân ái quốc, cùng những tấm lòng vì nước vì dân, ...

Soạn bài Tổng kết phần văn học - Ngữ văn lớp 10

+ Về nghệ thuật: Thơ Đường có những quy định nghiêm ngặt về niêm, luật; nghệ thuật đối đã được đẩy lên mức độ cao nhất; thi pháp thơ Đường cũng đạt đến trình độ phát triển rất cao, từng là mẫu mực cho thơ phương Đông trong nhiều thế kỉ.

- Đặc sắc của thơ hai-cư:

+ Về nội dung: chỉ ghi lại một cảnh, vật đơn sơ, nhưng qua đó gợi cho người đọc liên tưởng, suy tư để tìm thấy một triết lí nào đấy, ...

+ Về nghệ thuật: Thơ hai-cư dùng rất ít ngôn từ (khoảng 17 chữ), không tả mà chỉ gợi, dựa trên các phạm trù thẩm mĩ như *vắng lặng, đơn sơ, u huyền, mềm mại, nhẹ nhàng*, ...(thấm đẫm chất thiền tông).

c. Qua đoạn trích từ "*Tam quốc diễn nghĩa*", nêu nhận xét về lối kể chuyện và khắc hoạ tính cách nhân vật của tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc.

+ Nghệ thuật kể chuyện: hấp dẫn, giàu kịch tính.

Giả sử màn đoàn viên giữa hai anh em Quan Công - Trương Phi trong đoạn trích *Hồi trống cổ thành* diễn ra phẳng lặng thì không có chuyện gì để kể. Với việc xây dựng tình huống hiểu, các tính nóng nảy và ương bướng của Trương Dực và quan trọng hơn, tình cảm giữa họ thật sự là tình cảm của những anh hùng trượng nghĩa, cho nên kịch tính của màn đoàn viên vừa hài hước vừa xúc động, hấp dẫn người đọc.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật của *Tam quốc diễn nghĩa* cũng mang đậm tính cổ điển, tính cách các nhân vật thường được đẩy tới những thái cực, với các mặt tương phản rõ rệt. Chính vì vậy, cá tính của Trương Phi, Vân Trường đều được khắc hoạ một cách rất nổi bật.

Câu 7: Phần lí luận văn học

a. Những tiêu chí chủ yếu của văn bản văn học:

- Văn bản phản ánh và khám phá cuộc sống, bồi dưỡng tư tưởng và tâm hồn, thoả mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người.

- Ngôn từ trong văn bản có nhiều tìm tòi, sáng tạo, có hình tượng mang hàm nghĩa sâu sắc, phong phú.

- Văn bản được viết theo một thể loại nhất định với những quy ước thẩm mĩ riêng: truyện, thơ, kịch...

b. Nêu những tầng cấu trúc của văn bản văn học

Soạn bài Tổng kết phần văn học - Ngữ văn lớp 10

Văn bản văn học gồm nhiều tầng cấu trúc: ngôn ngữ, hình tượng, hàm nghĩa (các lớp nghĩa hàm ẩn: đề tài, chủ đề, phong cách nhà văn...).

c. Trình bày những khái niệm thuộc về nội dung và những khái niệm thuộc về hình thức của văn bản văn học. Cho một ví dụ để làm sáng tỏ.

- Các khái niệm thuộc nội dung của văn bản văn học:

+ Đề tài: Phạm vi hiện thực cuộc sống mà tác phẩm đề cập tới. Ví dụ: đề tài nông thôn, đề tài thành thị...

+ Chủ đề (hay tư tưởng - chủ đề): là vấn đề mà tác phẩm trực tiếp đặt ra trong tác phẩm, cũng tức là cái mà các hình tượng phải tập trung biểu hiện. Ví dụ: Bài thơ *Cánh ngày hè* của Nguyễn Trãi có chủ đề là "ca ngợi cuộc sống thái bình".

+ Cảm hứng chủ đạo là cảm hứng xuyên suốt bài thơ, nhất là những bài thơ trực tiếp biểu cảm. Ví dụ: bài *Thuật hoài* của Phạm Ngũ Lão có cảm hứng chủ đạo là "khát vọng lập công vì nước, trả nợ tang bồng".

- Những khái niệm thuộc hình thức:

+ Ngôn từ: Là lớp vỏ bên ngoài của tác phẩm. Ngôn từ bao gồm các đơn vị, âm thanh, từ, ngữ và câu. Ý nghĩa do các đơn vị ngôn từ trực tiếp biểu thị hay gợi ra là chất liệu quan trọng nhất để xây dựng hình tượng trong tác phẩm.

+ Kết cấu: Là mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành tác phẩm, các yếu tố đó thường được sắp xếp một cách nghệ thuật. Chẳng hạn: các bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật thường kết cấu theo mẫu: đề - thực - luận - kết.

+ Thể loại: Là những thể thức sáng tạo mang những đặc điểm riêng của mỗi loại. Ví dụ: thể thơ thất ngôn Đường luật, thể lục bát, thể phú, hịch, cáo... Tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi thuộc thể cáo, bài *Bạch Đằng giang phú* của Trương Hán Siêu thuộc thể phú.

d. Nội dung và hình thức của văn bản văn học có quan hệ với nhau như thế nào? Cho một số ví dụ.

Nội dung và hình thức của văn bản văn học có quan hệ gắn bó hữu cơ. Ví dụ: Khi nói ngôn từ là lớp vỏ của tác phẩm, thuộc hình thức, nhưng ý nghĩa của nó, tất cả những nội dung hàm ẩn đều do ngôn từ gợi nên; cho nên, khó có thể tách bạch đâu là hình thức, đâu là nội dung của tác phẩm văn học.